



Au Viet Food Import-Export and Processing Joint Stock Company

Address: Ta Thuong, Chinh Nghia, Kim Dong district, Hung Yen province, Vietnam
Headquarter Office: 702 Lakeview Building, D10 Giang Vo, Ba Dinh district, Hanoi
Tax number: 0901020788 Tel: +84 221 382 8686 Fax: +84 221 3827386
Hotline: +84 857 890 089 Email: congtvaauvietfood@gmail.com Website: www.auvietfood.com.vn

Số: 09-06/ AVF – 2021

Hà Nội, ngày 09 tháng 06 năm 2021

V/v: Điều chỉnh tự công bố
số 03-AVF/AVFOOD/2021

Kính gửi: Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Hưng Yên

Do thay đổi về quy cách đóng gói sản phẩm, Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu và chế biến Âu Việt xin điều chỉnh thông tin trong bản tự công bố số 03-AVF/AVFOOD/2021 như sau:
Thay đổi thông tin ở Mục II: Thông tin về sản phẩm, Điểm 4: Quy cách đóng gói và chất lượng bao bì.

Nội dung cũ:

Chất liệu bao bì: Hộp giấy cứng đựng sữa chuyên dụng

Quy cách đóng gói: Hộp 1L.

Nội dung thay đổi:

Chất liệu bao bì: Hộp giấy cứng đựng sữa chuyên dụng

Quy cách đóng gói: Hộp 1L; Hộp 250ml; Lốc 3 hộp, mỗi hộp 250ml.

Vậy bằng công văn này, chúng tôi trân trọng thông báo tới Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Hưng Yên và quý khách hàng nội dung thay đổi như trên.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn!

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ
CHẾ BIẾN THỰC PHẨM ÂU VIỆT**

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu HC



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Phương Mai

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 03-AVF/AVFOOD/2021

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM ÂU VIỆT

Địa chỉ: Thôn Tạ Thượng, Xã Chính Nghĩa, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 02437723673 Fax:

E-mail:

Mã số doanh nghiệp: 0901020788

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Sữa tươi tiệt trùng 1,5% chất béo

2. Thành phần: Sữa tươi nguyên chất

Giá trị dinh dưỡng 100gr: protein - 3,1gr, chất béo - 1,5gr, carbohydrate - 4,7gr, calo: 190 kJ (45 kcal)

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 360 ngày kể từ ngày sản xuất

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Chất liệu bao bì: Hộp giấy cứng đựng sữa chuyên dụng

Quy cách đóng gói: Hộp 1L; Hộp 250ml; Lót 3 hộp, mỗi hộp 250ml.

5. Thông tin nhà sản xuất: Công ty Cổ phần "Nhà máy sữa Minsk 1"

Địa chỉ pháp lý: 11 đường Vokzalnaya, q. Minskyi, TP. Zaslavl, 223034 Nước Cộng hòa Belarus

Địa chỉ sản xuất: 185 đường Soltysa, TP. Minsk, 220070, Nước Cộng hòa Belarus

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 5:1-2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sữa lỏng

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 10 tháng 06 năm 2021

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



GIÁM ĐỐC

Vương Phương Mai

Nhãn phụ trên thùng 12 hộp 1L sữa tươi tiệt trùng 1,5% chất béo



SỮA TƯƠI TIỆT TRÙNG 1,5% chất béo

Theo tiêu chuẩn Belarus số: 1746
Trọng lượng tịnh - 12.336 kg
Tổng trọng lượng (cả bao bì) - 12.920 kg
Thể tích đóng gói - 1.0 lít / hộp
Số lượng đóng gói - 12 hộp

Số lô hàng: Xem trên nhãn chính đính kèm
Số hộp: Xem trên nhãn chính đính kèm

Xuất xứ: Belarus

Ngày sản xuất: Xem trên bao bì

Hạn sử dụng: 360 ngày kể từ ngày sản xuất

Hướng dẫn bảo quản:

Bảo quản ở nhiệt độ từ 2 ° C đến 25 ° C. Bảo quản ở nhiệt độ từ 2 ° C đến 25 ° C trước khi mở nắp. Bảo quản ở nhiệt độ từ 2 ° C đến 6 ° C trong vòng 24 giờ sau khi mở nắp.

Nhà sản xuất: Công ty Cổ phần "Nhà máy sữa Minsk 1"

Địa chỉ pháp lý: 11 đường Vokzalnaya, q. Minskyi, TP. Zaslavl,
223034 Nước Cộng hòa Belarus

Địa chỉ sản xuất: 185 đường Soltysa, TP. Minsk, 220070, nước Cộng hòa Belarus

Chịu trách nhiệm nhập khẩu: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và chế biến thực phẩm Âu Việt

Địa chỉ: Thôn Tạ Thượng, Xã Chính Nghĩa, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Nhãn phụ sản phẩm dán trên hộp 1L
sữa tươi tiệt trùng 1,5% chất béo



NK: Cty CP XNK & CBTP Âu Việt
Tạ Thượng, Chính Nghĩa, Kim Động, Hưng Yên

SỮA TƯƠI TIỆT TRÙNG 1,5% CHẤT BÉO

Thành phần: Sữa tươi nguyên chất

Giá trị dinh dưỡng 100 gr: Protein - 3,1 gr, chất béo - 1,5 gr, carbohydrate - 4,7 gr, calo: 190 kJ (45kcal).

Hướng dẫn sử dụng:

Sử dụng trực tiếp để uống và nấu ăn.

Hướng dẫn bảo quản:

Bảo quản ở nhiệt độ từ 2°C-25°C trước khi mở nắp. Bảo quản ở nhiệt độ từ 2°C-6°C trong vòng 24 giờ sau khi mở nắp.

Thể tích thực: 1.0 lít

Xuất xứ: Belarus

NSX: Xem trên bao bì

HSD: 360 ngày kể từ NSX

Thông tin cảnh báo:

Không dùng sản phẩm đã quá hạn sử dụng. Không dùng cho người dị ứng với đạm sữa bò, không dung nạp đường lactose.

Nhà sản xuất: Cty CP “Nhà máy sữa Minsk 1”

Địa chỉ pháp lý: 11 đường Vokzalnaya, q.Minskyi, TP. Zaslavl, 223034 CH Belarus.

Địa chỉ sản xuất: 185 đường Soltysa, TP.Minsk, 220070, CH Belarus.

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày ... tháng ... năm 20.....



MILK 1,5% STERILIZED

Ingredients: normalized milk. Nutritional value of 100 g of the product: protein - 3,1 g, fat - 1,5 g, carbohydrates - 4,7 g. Caloric value: 190kJ (45 kcal)

Store at a temperature of 2 C to 25 C. After opening the package, store for no more than 24 hours at a temperature of 2 C to 6 C. Volume: 1 L.

OJSC "Minsk Dairy Plant No 1".

Legal address: 11, Vokzalnaya st., Zaslavl, Minsk District, 223034, Republic of Belarus.

Production address: 185, Soltysa st., Minsk, 220070, Republic of Belarus.

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Phương Mai

Sữa uống tiệt trùng 1,5% chất béo

Thành phần: Sữa tươi nguyên chất

Giá trị dinh dưỡng 100gr: Protein- 3,1 gr, chất béo - 1,5 gr, carbohydrate- 4,7 gr, calo: 190kJ (45 kcal)

Hướng dẫn bảo quản:

Bảo quản ở nhiệt độ từ 2-25 độ C. Sau khi mở hộp, bảo quản không quá 24 giờ ở nhiệt độ 2-6 độ C. Thể tích: 1.0 lít.

Nhà sản xuất: Công ty Cổ phần "Nhà máy sữa Minsk 1"

Địa chỉ pháp lý: 11 đường Vokzalnaya, q. Minskryi, TP Zaslavl, 223034 nước Cộng hòa Belarus

Địa chỉ sản xuất: 185 đường Soltysa, Tp. Minsk, 220070, nước Cộng hòa Belarus



CHỨNG NHẬN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH THUẬT QUỐC TẾ NAM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 20/365 Phố Vọng, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội

Email: tuvannamhanoi@gmail.com

ĐT: 024.36280340 / 0942.942.822

CHỨNG NHẬN BẢN DỊCH

Hôm nay, ngày 09 tháng 04 năm 2021 (Ngày mùng chín, tháng bốn, năm hai nghìn không trăm hai mươi mốt)

- * Bản dịch này do bà Lê Thị Chà, CCCD số: 001186014997 cấp ngày 06 tháng 03 năm 2017 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp, là cộng tác viên biên dịch tiếng Anh của Công ty cổ phần Dịch thuật Quốc tế Nam Hà Nội, đã dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt Nam.
- * Chữ ký trong bản dịch là chữ ký của bà Lê Thị Chà.
- * Nội dung của bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái với đạo đức xã hội;

Số bản dịch: 481 Quyển số: 01/2021 CN/BD-NHN

BIÊN DỊCH VIÊN
(Ký và ghi rõ họ tên)



Lê Thị Chà

GIÁM ĐỐC



TỔNG GIÁM ĐỐC







(en) MILK 1,5 % STERILIZED

Ingredients: normalized milk. Nutritional value of 100 g of the product: proteins - 3,1 g, fats - 1,5 g, carbohydrates - 4,7 g. Caloric value: 190kJ (45 kcal).

Store at a temperature of 2 °C to 25 °C. After opening the package, store for no more than 24 hours at a temperature of 2 °C to 6 °C. Volume: 1L.

OJSC "Minsk Dairy Plant №1".

Legal address: 11, Vokzalnaya st., Zaslavl, Minsk District, 223034, Republic of Belarus. Production address: 185, Soltysa st., Minsk, 220070, Republic of Belarus.





SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày ... tháng ... năm 20....

VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)
Trụ sở chính: Head Office: 65 Phạm Thái Duyệt, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
VP: Rep. Office 1: Phòng 1107, Công B Cảng Cát Lái, số 129SB Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, Q2, TP. HCM, Việt Nam
VP: Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đông Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 19001663 Email: kham@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số/No.: 8632/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM TEST REPORT

1. Tên mẫu
Name of sample: Sữa tươi tiệt trùng 1,5 % Chất béo
Pasteurized fresh milk 1.5 % fat
2. Mã số mẫu/ Sample code: 03212396/DV.1
3. Mô tả mẫu
Sample description: Nguyên hộp 1 lít - Số lượng: 1
NSX: 08/10/2020 - HSD: 08/10/2021; Không có mẫu lưu
Intact 1-liter carton - Quantity: 1
MFG: 08/10/2020 - EXP: 08/10/2021; No storage sample
4. Số lượng mẫu
Number of sample: 01 mẫu
01 sample
5. Thời gian lưu mẫu
Storage time of sample: Không có
No storage
6. Ngày nhận mẫu
Sampling received date: 31/03/2021
7. Thời gian thử nghiệm
Testing time: 31/03/2021 - 07/04/2021
8. Nơi gửi mẫu
Customer: Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu & chế biến thực phẩm Âu Việt
Địa chỉ: Thôn Tạ Thượng, Xã Chính Nghĩa, Huyện Kim Động,
Tỉnh Hưng yên, Việt nam
Au Viet Import Export & Food Processing Joint Stock Company
Address: Ta Thuong Hamlet, Chinh Nghia Commune,
Kim Dong District, Hung Yen Province, Vietnam

9. Kết quả thử nghiệm
Test result(s) Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật
Physicochemical and Microbiological tests

STT/ No.	Tên chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử/ Test method	Kết quả/ Result
9.1*	<i>L. monocytogenes</i>	CFU/mL	ISO 11290-2:2017	KPH/ ND (LOD: 1 CFU/mL)
9.2*	Enterobacteriaceae	CFU/mL	ISO 21528-2:2017	KPH/ ND (LOD: 1 CFU/mL)
9.3*	Hàm lượng Protein sữa Milk protein content	g/100mL	TCVN 8099-1:2015	3,46
9.4*	Tỷ trọng ở 20 °C Density at 20 °C	g/mL	NIFC.05.M.197	1,033
9.5*	Hàm lượng Chì Lead content	mg/L	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	< LOQ (LOQ: 0,010 mg/L)
9.6*	Hàm lượng Thiếc Tin content	mg/L	NIFC.03.M.45 (ICP-MS)	KPH/ ND (LOD: 0,010 mg/L)
9.7*	Hàm lượng Aflatoxin M1 Aflatoxin M1 content	µg/kg	NIFC.04.M.032 (LC-MS/MS)	KPH/ ND (LOD: 0,01 µg/kg)
9.8*	Hàm lượng Aldrin Aldrin content	mg/kg	NIFC.04.M.023 (GC-MS/MS)	KPH/ ND (LOD: 0,001 mg/kg)
9.9*	Hàm lượng Cyfluthrin Cyfluthrin content	mg/kg	NIFC.04.M.023 (GC-MS/MS)	KPH/ ND (LOD: 0,001 mg/kg)

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ This report is only valid for the above sample
2. Không được trích dẫn kết quả phân tích kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm. ATTESTQ: This report shall not be reproduced without the written approval of NIFC
3. Thông tin về mẫu và thời hạn được ghi theo yêu cầu của nội dung mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request
4 (*) Phương pháp được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025
5. Không nên khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu trữ/ Complaints shall not be received in case the storage sample is unavailable or out of storage time



BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Tra soát chính/ Head Office: 63 Phan Thanh Duật, P. Minh Đức, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
TP/Rep. Office 1: Phòng AF02, Công B Cảng Cát Lái, số 1295H Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, Q2, TP. HCM, Việt Nam
TP/Rep. Office 2: Số 1 Ngõ Quế, P. Đông Thái, Q. Hai Bà, TP. Hà Nội, Việt Nam
Hotline: 19001465 Email: kimgc@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

STT/ No.	Tên chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử/ Test method	Kết quả/ Result
9.10*	Hàm lượng DDT DDT content	mg/kg	NIFC.04.M.023 (GC-MS/MS)	KPH/ ND (LOD: 0,001 mg/kg)
9.11*	Hàm lượng Dieldrin Dieldrin content	mg/kg	NIFC.04.M.023 (GC-MS/MS)	KPH/ ND (LOD: 0,001 mg/kg)
9.12*	Hàm lượng Endosulfan Endosulfan content	mg/kg	NIFC.04.M.023 (GC-MS/MS)	KPH/ ND (LOD: 0,001 mg/kg)
9.13*	Hàm lượng Chlortetracyclin Chlortetracyclin content	µg/kg	NIFC.04.M.001 (LC-MS/MS)	KPH/ ND (LOD: 5,0 µg/kg)
9.14*	Hàm lượng Oxytetracyclin Oxytetracyclin content	µg/kg	NIFC.04.M.001 (LC-MS/MS)	KPH/ ND (LOD: 5,0 µg/kg)
9.15*	Hàm lượng Tetracyclin Tetracyclin content	µg/kg	NIFC.04.M.001 (LC-MS/MS)	KPH/ ND (LOD: 5,0 µg/kg)
9.16*	Hàm lượng Dihydrostreptomycin Dihydrostreptomycin content	µg/kg	NIFC.04.M.003 (LC-MS/MS)	KPH/ ND (LOD: 15 µg/kg)
9.17*	Hàm lượng Gentamicin Gentamicin content	µg/kg	NIFC.04.M.003 (LC-MS/MS)	KPH/ ND (LOD: 15 µg/kg)
9.18*	Hàm lượng Streptomycin Streptomycin content	µg/kg	NIFC.04.M.003 (LC-MS/MS)	KPH/ ND (LOD: 15 µg/kg)
9.19*	Hàm lượng Benzylpenicilin Benzylpenicillin content	µg/kg	NIFC.04.M.010 (LC-MS/MS)	KPH/ ND (LOD: 0,5 µg/kg)
9.20*	Hàm lượng Procain benzylpenicillin Procain benzylpenicillin content	µg/kg	NIFC.04.M.010 (LC-MS/MS)	KPH/ ND (LOD: 0,5 µg/kg)
9.21*	Hàm lượng Spiramycin Spiramycin content	µg/kg	NIFC.04.M.010 (LC-MS/MS)	KPH/ ND (LOD: 1,0 µg/kg)

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

LOQ - Giới hạn định lượng của phương pháp thử

Note: ND - Not detected (mean the test result is below the detection limit of the method-LOD)

CHỨNG THỰC BẢN SẠC CỦA VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA

Ngày 09-04-2021

Số chứng thực: 12.6.68/2021/Đ.4.SCT/BS

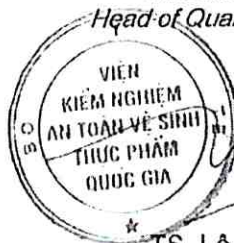
Hà Nội, 07/4/2021

TU. VIỆN TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA ĐBCL

On behalf of Director General

Head of Quality Assurance Laboratory



TS. Lê Thị Phương Thảo

Le Thi Phuong Thao, PhD.

1. Báo cáo kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm nêu trong báo cáo này và chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm nêu trong báo cáo này.
2. Không được trích dẫn một phần hoặc toàn bộ kết quả kiểm nghiệm này để sử dụng trong các tài liệu khác của Viện Kiểm Nghiệm AFVSIPOU. This report shall not be reproduced partly without the written approval by NIFC.
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi trong báo cáo kiểm nghiệm. Information of sample and customer is written as customer's request.
4. Phương pháp được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025. Method is as credited in accordance with ISO/IEC 17025.
5. Không chấp nhận khiếu nại hoặc khiếu nại không được chấp nhận nếu không có mẫu thử nghiệm theo quy định. Complaints shall not be accepted in case the storage sample is unsuitable or out of storage time.